

Số: 141 /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ cử tuyển đối với người học là người dân tộc thiểu số, bao gồm: đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người học là người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển gồm:

a) Người dân tộc thiểu số rất ít người.

b) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

2. Các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên, trung cấp, cao đẳng, đại học; trường phổ thông dân tộc nội trú; trường dự bị đại học; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chế độ cử tuyển.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cử tuyển là việc tuyển sinh qua phương thức xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp đối với người học được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Dân tộc thiểu số rất ít người và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có tỷ lệ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số chưa đạt theo quy định:

a) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10% đến dưới 30% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 15% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã;

b) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 30% đến dưới 50% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 30% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã;

c) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% đến dưới 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 40% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã;

d) Xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên 70% tổng dân số của xã: tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã, viên chức làm việc trên địa bàn xã người dân tộc thiểu số phải đạt tối thiểu là 50% tổng số cán bộ, công chức cấp xã và viên chức làm việc trên địa bàn xã.

Điều 4. Nguyên tắc cử tuyển

1. Đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.
3. Bảo đảm người đi học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển

1. Người học theo chế độ cử tuyển có những quyền sau đây:
 - a) Được thông tin đầy đủ về chế độ cử tuyển;
 - b) Được cấp học bổng, miễn học phí và hưởng các chế độ ưu tiên khác theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian đào tạo;
 - c) Được tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp.
2. Người học theo chế độ cử tuyển có những nghĩa vụ sau đây:
 - a) Cam kết trước khi được cử tuyển và chấp hành sự cam kết với cơ quan cử đi học trở về làm việc tại địa phương sau khi tốt nghiệp;
 - b) Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục; hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;
 - c) Bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Chương II **TIÊU CHUẨN, CHỈ TIÊU, QUY TRÌNH, ĐÀO TẠO** **VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN**

Điều 6. Tiêu chuẩn tuyển sinh theo chế độ cử tuyển

1. Tiêu chuẩn chung
 - a) Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này;
 - b) Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển;
 - c) Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.

2. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt;
- c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên;
- d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

3. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào cao đẳng phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt;
- c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;
- d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Ngoài tiêu chuẩn chung quy định tại khoản 1 Điều này, người học được cử tuyển vào trung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông;
- b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học cuối đạt loại khá trở lên;
- c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại trung bình trở lên;
- d) Có thời gian học đủ 04 năm học và tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường thuộc địa bàn tuyển sinh theo quy định hoặc tại trường phổ thông dân tộc nội trú.

5. Ưu tiên trong tuyển sinh cử tuyển

Người học đạt đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh cử tuyển quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau thì được ưu tiên trong cử tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp theo thứ tự:

- a) Con liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh;

- b) Học tại trường phổ thông dân tộc nội trú;
- c) Trúng tuyển vào đại học, cao đẳng, trung cấp tại năm xét đi học cử tuyển;
- d) Đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp huyện trở lên;
- đ) Trường hợp người học thuộc đối tượng được hưởng nhiều ưu tiên đồng thời thì chỉ được hưởng một ưu tiên cao nhất trong tuyển sinh cử tuyển.

Điều 7. Chỉ tiêu cử tuyển

1. Nguyên tắc xác định chỉ tiêu cử tuyển

- a) Chỉ tiêu cử tuyển được xác định theo từng năm và được cơ quan có thẩm quyền giao theo từng ngành nghề, trình độ đào tạo;
- b) Chỉ tiêu cử tuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) xây dựng và đề xuất.

2. Căn cứ đề xuất chỉ tiêu cử tuyển

- a) Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và số biên chế công chức được giao đối với vị trí việc làm là cán bộ, công chức;
- b) Căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức;
- c) Căn cứ vào kế hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có đối tượng cử tuyển quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

3. Quy trình xây dựng chỉ tiêu cử tuyển

- a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc thị xã (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo đề xuất của các địa phương và các quy định tại khoản 2 Điều này để xây dựng, đề xuất chỉ tiêu cử tuyển lên trung ương.

4. Đề xuất chỉ tiêu cử tuyển

Hàng năm, trong thời hạn tháng 5, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề đào tạo trình độ đại học, cao đẳng sư phạm với Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này).

5. Phê duyệt và giao chỉ tiêu cử tuyển

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc xét và giao chỉ tiêu cử tuyển cho Ủy ban nhân dân các tỉnh;

b) Thời hạn phê duyệt và giao chỉ tiêu cử tuyển chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày cơ quan chủ trì nhận đủ hồ sơ trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển.

Điều 8. Quy trình cử tuyển

1. Thông báo kế hoạch cử tuyển

Căn cứ chỉ tiêu cử tuyển được giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cử tuyển và phải đăng thông báo công khai ít nhất 02 lần trên các phương tiện thông tin đại chúng của cấp tỉnh, huyện và xã là báo in hoặc báo điện tử hoặc báo nói hoặc báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung thông báo kế hoạch cử tuyển gồm:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu cử tuyển;

b) Vị trí việc làm cho từng chỉ tiêu;

c) Thời hạn, địa điểm, phương thức tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển, số điện thoại của bộ phận được phân công trực tiếp nhận hồ sơ.

3. Người đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Công dịch vụ công cấp tỉnh hoặc Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển gồm:

a) Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển (Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính giấy khai sinh;

- c) Sơ yếu lý lịch (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này);
- d) Giấy chứng nhận con liệt sỹ, con thương binh, bệnh binh; người được hưởng chính sách như thương binh (nếu có);
- đ) Hai ảnh chân dung (cỡ 4 x 6 cm) chụp trong vòng 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- e) Một phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của người đăng ký học theo chế độ cử tuyển.

5. Thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch cử tuyển công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày xét tuyển, hội đồng cử tuyển phải lập danh sách người có đủ tiêu chuẩn dự tuyển học theo chế độ cử tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

7. Thành lập hội đồng cử tuyển

a) Hội đồng cử tuyển (sau đây gọi tắt là hội đồng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tuyển sinh cử tuyển;

b) Thành phần hội đồng gồm: Chủ tịch hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phó Chủ tịch thường trực hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Phó Chủ tịch hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ và Trưởng ban Dân tộc tỉnh; các thành viên khác gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực dự kiến xét tuyển, Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

c) Nhiệm vụ của hội đồng: thẩm định hồ sơ, xét chọn và đề xuất danh sách người đủ tiêu chuẩn đi học theo chế độ cử tuyển theo chỉ tiêu được giao. Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách người được cử đi học theo chế độ cử tuyển;

d) Nguyên tắc làm việc của hội đồng: hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch hội đồng;

đ) Thông báo kết quả xét duyệt: chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày xét tuyển, hội đồng cử tuyển phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh sách người trúng tuyển đi học theo chế độ cử tuyển. Hội đồng

thông báo công khai kết quả xét duyệt cử tuyển ngay sau khi được phê duyệt trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Đào tạo cử tuyển

1. Đào tạo dự bị đại học, cao đẳng đối với người học cử tuyển

a) Đối tượng phải qua đào tạo dự bị

Người được cử tuyển để đào tạo trình độ đại học, cao đẳng là học sinh phổ thông phải học một năm dự bị tại trường dự bị đại học hoặc tại khoa dự bị đại học của các trường được phép đào tạo dự bị đại học;

b) Đối tượng không qua đào tạo dự bị

Người trúng tuyển vào đại học, cao đẳng tại năm xét đi học cử tuyển không phải học dự bị mà được chuyển ngay vào đào tạo đại học, cao đẳng;

c) Tổ chức đào tạo dự bị

Việc tổ chức đào tạo dự bị và xét tuyển vào học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Sau khi kết thúc một năm học dự bị, nếu người học không đủ điều kiện vào học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng thì được học lưu ban không quá một năm; trong năm học lưu ban, người học được hưởng các quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ như năm học thứ nhất. Trường hợp sau một năm học lưu ban người học vẫn không đạt đủ điều kiện vào học tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng thì cơ sở đào tạo dự bị bàn giao lại hồ sơ về cơ quan cử người đi học; cơ quan cử người đi học xem xét chuyển các trường hợp này xuống đào tạo cử tuyển trình độ trung cấp hoặc bàn giao hồ sơ về địa phương và gửi thông báo về gia đình của người học.

2. Đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp đối với người học cử tuyển

a) Người học theo chế độ cử tuyển được đào tạo trong hệ thống giáo dục chính quy và bố trí học chung với sinh viên của cơ sở giáo dục theo ngành đào tạo;

b) Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học được thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 02 năm học (04 học kỳ) so với thời gian thiết kế cho chương trình;

c) Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 01 năm học (02 học kỳ) so với thời gian thiết kế cho chương trình;

d) Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ trung cấp được thực hiện theo quy định thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thời gian tối đa hoàn thành được cộng thêm 1/2 năm học (01 học kỳ) so với thời gian thiết kế cho chương trình;

đ) Người học hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối đa quy định tại các điểm b, c và d khoản này được hưởng các quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ theo chế độ cử tuyển; ngoài thời gian tối đa quy định, người học cử tuyển phải tự túc học tập, không được xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp;

e) Việc tổ chức đào tạo, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng được thực hiện theo trình độ đào tạo tương ứng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 10. Kinh phí đào tạo cử tuyển

Kinh phí đào tạo người học theo chế độ cử tuyển được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước của lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Trong đó, Học bổng chính sách của người học theo chế độ cử tuyển được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Trường hợp người học cử tuyển học các ngành đào tạo giáo viên thì chính sách hỗ trợ tiền chi phí sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm”.

Điều 11. Cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định của Nghị định này và phù hợp với yêu cầu của lực lượng quân đội, công an.

Chương III XÉT TUYỂN, BỐ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỒI HOÀN HỌC BỔNG, CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 12. Xét tuyển và bố trí việc làm đối với người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp

1. Hằng năm, các cơ sở giáo dục gửi danh sách, bản giao hồ sơ và bằng tốt nghiệp của người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc và số biên chế công chức được giao đối với vị trí việc làm là cán bộ, công chức; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập đối với vị trí việc làm là viên chức và căn cứ vào hồ sơ người học theo chế độ cử tuyển đã tốt nghiệp để xây dựng kế hoạch xét tuyển vào công chức, viên chức đối với người học theo chế độ cử tuyển.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tổ chức xét tuyển và bố trí việc làm đối với người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức hoặc gửi hồ sơ tới các đơn vị, tổ chức khác có nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bố trí việc làm tối đa là 12 tháng, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ để xét tuyển.

Điều 13. Trường hợp phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

Người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

1. Người tự thôi học hoặc bị kỷ luật buộc thôi học, trừ các trường hợp tự thôi học do bất khả kháng.
2. Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.
3. Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.
4. Người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động.

Điều 14. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

1. Chi phí bồi hoàn bao gồm: học bổng và các khoản chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước cấp cho người học theo chế độ cử tuyển.

2. Cách tính chi phí bồi hoàn

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định này, cách tính chi phí bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$$S = (HB+CF) \times N$$

Trong đó: S là chi phí bồi hoàn; HB là học bổng người học được hưởng trong một tháng; CF là chi phí đào tạo người học trong một tháng; N là thời gian người học đã học theo chế độ cử tuyển được tính bằng số tháng làm tròn;

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 13 Nghị định này, cách tính chi phí bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{T - t}{T} \times (HB+CF) \times N$$

Trong đó: T là số tháng người cử tuyển phải chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động; t là số tháng người cử tuyển đã làm việc theo sự điều động; các ký hiệu: S, HB, CF và N xác định theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng cơ quan quản lý người lao động (cấp tỉnh) quyết định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 13 Nghị định này.

Điều 16. Trả và thu hồi chi phí bồi hoàn

1. Chậm nhất trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học cử tuyển có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn.

2. Chi phí bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước về quản lý khoản thu hồi nộp ngân sách.

3. Trường hợp người học không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bồi hoàn có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Điều 17. Tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an căn cứ vào quy định tại Nghị định này, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp phù hợp với yêu cầu của lực lượng quân đội, công an.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 18. Trách nhiệm của các Bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học cử tuyển trình độ đại học, cao đẳng sư phạm.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác đào tạo và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học cử tuyển trình độ cao đẳng, trung cấp.

3. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an theo thẩm quyền chỉ đạo thống nhất việc tuyển chọn, đào tạo, tiếp nhận, phân công công tác và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học theo chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các địa phương xác định phạm vi, mức độ của các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và việc phân vùng khu vực theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm về việc trình đề xuất chỉ tiêu, xét tuyển, cử và quản lý người đi học theo chế độ cử tuyển đúng đối tượng, tiêu chuẩn và danh sách đã phê duyệt. Chỉ đạo tổ chức xét tuyển và bố trí việc làm đối với người học cử tuyển sau tốt nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này.

2. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh cử tuyển của năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban Dân tộc (Mẫu số 04 quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định này).

3. Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục để thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định về đặt hàng đào tạo và bố trí ngân sách thực hiện. Yêu cầu người học theo chế độ cử tuyển ký các cam kết thực hiện nghĩa vụ của người học theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và các quy định về quá trình học tập tại các cơ sở giáo dục.

4. Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tuyển sinh cử tuyển thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh trong nguồn cử tuyển được vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục

1. Tiếp nhận, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo người học theo chế độ cử tuyển và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định.

2. Hằng năm, thông báo với cơ quan cử người đi học về kết quả học tập và rèn luyện của người học theo chế độ cử tuyển, thời gian tốt nghiệp đối với người học năm cuối khoá.

3. Bàn giao cho cơ quan cử người đi học hồ sơ của người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp hoặc trong trường hợp thôi học.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số đã được áp dụng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 01 năm 2021.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 108



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 141 /2020/NĐ-CP
ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)*

| | |
|-----------|--|
| Mẫu số 01 | Tờ trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển |
| Mẫu số 02 | Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển |
| Mẫu số 03 | Sơ yếu lý lịch |
| Mẫu số 04 | Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày....tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển
(Năm.....)

Kính gửi: (1)

1. Tình hình triển khai thực hiện chế độ cử tuyển tại địa phương

- a) Số lượng sinh viên cử tuyển đang học hiện nay (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
- b) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp;
- c) Các vấn đề khác liên quan.

2. Căn cứ đề nghị chỉ tiêu cử tuyển

- a) Thuyết minh căn cứ để đề xuất số lượng người học cử tuyển (yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao và số biên chế công chức được giao ...);
- b) Các phương án, điều kiện đảm bảo bố trí việc làm cho người học cử tuyển sau tốt nghiệp.

3. Đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển

- a) Số lượng đề xuất chỉ tiêu người học theo chế độ cử tuyển. Chia ra: số lượng đề xuất chỉ tiêu cử tuyển các dân tộc thiểu số rất ít người và các số lượng đề xuất dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ;
- b) Số lượng đề xuất chỉ tiêu theo các ngành học: Y - Dược, Kỹ thuật, Nông lâm, Kinh tế, Sư phạm và các ngành học khác (mỗi ngành chia theo trình độ đào tạo: trung cấp, cao đẳng, đại học).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... thángnăm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC THEO CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

1. Họ và tên người đăng ký học:Nam/nữ
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Dân tộc:Tôn giáo
4. Địa chỉ thường trú (ghi rõ thôn, bản, xã, huyện, tỉnh):
-
5. Ngành dự định xin học:
- Trình độ đào tạo (ĐH, CĐ, TC):
6. Thuộc đối tượng ưu tiên
7. Đã tốt nghiệp:
- Ngày, tháng, năm dự thi tốt nghiệp:
8. Xếp loại năm cuối cấp/cuối khoá: Học lực: Hạnh kiểm (rèn luyện).....
9. Điểm các môn thi THPT: Môn 1:....; Môn 2:....; Môn 3:; Môn 4:....; Môn.....
10. Điểm thi đại học, cao đẳng, trung cấp (nếu có)
11. Đoạt giải (nếu có) môn

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu được chấp nhận, tôi xin cam kết: chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với người học theo chế độ cử tuyển, sau khi tốt nghiệp sẽ chấp hành sự bố trí việc làm của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)

Nếu không thực hiện đúng những quy định đối với người học theo chế độ cử tuyển, tôi sẽ có trách nhiệm bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo theo quy định hiện hành.

Khi cần, báo tin cho ai, địa chỉ, điện thoại (nếu có):

.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ HỌC

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên (1) :..... Giới tính.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Nguyên quán:.....

CMND hoặc căn cước công dân số :..... Cấp ngày Nơi cấp.....

Nơi đăng ký thường trú (2):.....

Đang thường trú tại nơi đăng ký hộ khẩu nêu trên từ ngày ...tháng...năm
..... đến ngày tháng ... năm (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Hiện nay đang học tại (3):

Tình trạng sức khỏe hiện nay:.....

Lý do xác nhận (4):.....

HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

Họ và tên bố đẻ:..... Tuổi..... Nghề nghiệp.....

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?.....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?.....

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu?.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày
...tháng...năm đến ngày ...tháng ...năm..... (tính đến nay là 5 năm
liên tục).

Họ và tên mẹ đẻ:..... Tuổi..... Nghề nghiệp.....

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu?.....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?.....

Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu?.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày
...tháng...năm đến ngày ...tháng ...năm.... (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên bố nuôi (nếu có):..... Tuổi..... Nghề nghiệp.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày ...tháng....nămđến ngàytháng ...năm..... (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên mẹ nuôi (nếu có):.....Tuổi.....Nghề nghiệp.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày ...tháng....nămđến ngàytháng ...năm..... (tính đến nay là 5 năm liên tục).

Họ và tên người nuôi dưỡng (nếu có):.....Tuổi.....Nghề nghiệp.....

Đang thường trú và sinh sống ở tại nơi đăng ký thường trú nêu trên từ ngày ...tháng....năm ...đến ngàytháng ...năm..... (tính đến nay là 5 năm liên tục).

HỌ VÀ TÊN VỢ HOẶC CHỒNG, CÁC CON VÀ ANH CHỊ EM RUỘT
(Ghi rõ họ tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp và trình độ chính trị của từng người)

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

| Từ tháng năm đến tháng năm | Học tập hay làm gì | Ở đâu | Giữ chức vụ gì |
|----------------------------|--------------------|-------|----------------|
| | | | |
| | | | |

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Khen thưởng:.....

Kỷ luật:.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có điều gì sai trái tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Địa danh, ngày... tháng... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ

Xác nhận anh (chị) sinh ngày ... tháng ... năm có đăng ký thường trú tại: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Địa danh, ngày tháng năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Viết chữ in hoa.

(2) Ghi rõ: Thôn (bản), phum, sóc..., xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).

(3) Ghi rõ trường đang học năm cuối cấp.

(4) Để xét đi học theo chế độ cử tuyển.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày..... thángnăm.....

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện chế độ cử tuyển
(Năm.....)

Kính gửi:

1. Tình hình triển khai thực hiện chế độ cử tuyển tại địa phương
 - a) Số lượng sinh viên cử tuyển tuyển mới trong năm hiện tại (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
 - b) Số lượng sinh viên cử tuyển đang học hiện nay (chia theo ngành học, dân tộc và nơi đào tạo cụ thể);
 - c) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp trong năm;
 - d) Các vấn đề khác liên quan.
2. Đánh giá chung
 - a) Ưu điểm;
 - b) Hạn chế và nguyên nhân.
3. Dự kiến công tác cử tuyển năm tiếp theo
 - a) Số lượng sinh viên cử tuyển tuyển mới;
 - b) Ngành học cử tuyển;
 - c) Cơ cấu dân tộc;
 - d) Kế hoạch xét duyệt học sinh đi học theo chế độ cử tuyển;
 - đ) Kế hoạch bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp.
 - e) Các vấn đề khác.
4. Đề xuất, kiến nghị về chế độ cử tuyển (nếu có)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)